

BẢO ĐẢM, BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM QUA CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

NGUYỄN VĂN CÔNG *

TÔ VĂN HOÀ **

Tóm tắt: Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện nền tảng hiến định cho việc bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em trong bối cảnh mới, bài viết phân tích sự phát triển của các quy định về quyền trẻ em qua các bản hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2013, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và thách thức mới. Trên cơ sở lí luận và thực tiễn, bài viết xác định nội hàm, đặc điểm, nội dung và yêu cầu cơ bản của việc bảo vệ quyền trẻ em; đồng thời, đề xuất các định hướng hoàn thiện Hiến pháp, bao gồm hiến định hoá nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”, mở rộng quyền trẻ em phù hợp với bối cảnh kỉ nguyên số và thiết lập cơ chế hiến định nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả quyền trẻ em trong thực tiễn.

Từ khoá: Bảo đảm; bảo vệ; quyền trẻ em; hoàn thiện Hiến pháp; kỉ nguyên mới

Nhận bài: 02/11/2025

Hoàn thành biên tập: 25/02/2026

Duyệt đăng: 25/02/2026

THE GUARANTEE AND PROTECTION OF CHILDREN’S RIGHTS THROUGHOUT THE CONSTITUTIONS OF VIETNAM AND DIRECTIONS FOR FURTHER IMPROVEMENT IN THE NEW ERA

Abstract: Considering the urgent need to further strengthen the constitutional foundation for the guarantee and protection of children’s rights in the new era, this article analyses the development of constitutional provisions on children’s rights in Vietnam’s Constitutions from 1946 to 2013, highlighting key achievements, limitations, and emerging challenges. On both theoretical and practical grounds, the article identifies the concept, characteristics, content, and essential requirements of the protection of children’s rights. On that basis, the article proposes key directions for improving the Constitution, including constitutionalising the principle of “in the child’s best interests,” systematically expanding children’s rights in line with the digital context, and establishing constitutional mechanisms to ensure their effective implementation in practice.

Keywords: Guaranteeing; protection; children's rights; improving the Constitution; new era

Received: 2 November 2025; Editing completed: 25 February 2026; Accepted for publication: 25 February 2026

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc bảo đảm và bảo vệ

quyền con người đã trở thành một trong những thước đo quan trọng cho sự phát triển văn minh của mỗi quốc gia. Trong đó, quyền trẻ em là một bộ phận không thể tách rời của quyền con người, luôn cần được ưu tiên đặc biệt, đồng thời là mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế cũng như của Việt Nam. Xuất phát từ yêu cầu đó, việc nghiên cứu

* Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam
Nghiên cứu sinh Khoa 28, Trường Đại học Luật Hà Nội. E-mail: congngv.it@mod.gov.vn

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: tovanhoa@hlu.edu.vn

chủ đề bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em qua các bản hiến pháp Việt Nam và định hướng hoàn thiện trong kỉ nguyên mới có ý nghĩa cấp thiết, được đặt ra trên cả ba phương diện: lí luận, pháp luật và thực tiễn.

Về phương diện lí luận, trẻ em không chỉ là đối tượng cần được che chở, chăm sóc mà còn là những chủ thể đầy đủ của quyền, được nắm giữ những quyền vốn có để được sống, được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và nhân cách. Hướng tiếp cận này đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, đặc biệt được công nhận toàn cầu bởi Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1989 (Convention on the Rights of the Child - CRC) - văn kiện pháp lí quốc tế toàn diện nhất về quyền trẻ em mà Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn¹. Lí luận về quyền trẻ em đặt ra hai yêu cầu song hành và bổ trợ cho nhau là bảo đảm quyền và bảo vệ quyền. Qua hướng tiếp cận của các tác giả Phạm Hồng Thái và Nguyễn Thị Thu Hương, có thể hiểu “bảo đảm quyền” là việc nhà nước và xã hội chủ động tạo ra các tiền đề, điều kiện về chính trị, kinh tế, xã hội và pháp lí để trẻ em được thực hiện các quyền của mình một cách thuận lợi nhất; trong khi đó, “bảo vệ quyền” là việc xác định và thực thi các biện pháp pháp lí, cơ chế hữu hiệu để khôi phục các quyền của trẻ em khi chúng bị xâm phạm, đồng thời xử lí các hành vi vi phạm². Việc phân định rõ hai nội dung này

giúp xây dựng một khung lí thuyết hoàn chỉnh, định hướng cho việc xây dựng chính sách, pháp luật toàn diện, vừa mang tính phòng ngừa, vừa có tính khắc phục.

Về phương diện pháp luật, hiến pháp - với tư cách là đạo luật gốc, có hiệu lực pháp lí cao nhất, đóng vai trò nền tảng trong việc ghi nhận và bảo đảm thực thi quyền trẻ em. Việc hiến định hoá quyền trẻ em không chỉ thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của nhà nước mà còn tạo ra cơ sở pháp lí tối cao để nội luật hoá các tiêu chuẩn quốc tế, định hướng toàn bộ hệ thống pháp luật và chính sách quốc gia. Ở Việt Nam, lịch sử lập hiến đã trải qua một quá trình phát triển tích cực trong việc ghi nhận quyền trẻ em, từ những quy định còn tản mạn trong Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1980, 1992 cho đến việc dành riêng một điều luật với nội dung khá toàn diện trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 37). Tuy nhiên, đối diện với những chuyển biến nhanh chóng của xã hội, các quy định hiến pháp hiện hành đã bộc lộ một số khoảng trống. Đáng chú ý, nguyên tắc cốt lõi “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” - trụ cột của CRC, vẫn chưa được hiến định hoá một cách rõ ràng và trực tiếp. Thêm vào đó, nhiều quyền mới của trẻ em trong kỉ nguyên số như quyền được bảo vệ khỏi xâm hại trên môi trường mạng, quyền riêng tư về dữ liệu cá nhân... vẫn chưa được Hiến pháp ghi nhận, tạo ra khoảng trống pháp lí ở tầm vĩ mô.

¹ Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2011), *Giáo trình Lí luận và pháp luật về quyền con người*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 253 - 257.

² Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Hương (2012),

“Bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận, định hướng nghiên cứu)”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội - Luật học*, số 28(1), tr. 1 - 7.

Về phương diện thực tiễn, kỉ nguyên mới với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo đã và đang tác động sâu sắc, đa chiều đến đời sống của trẻ em. Trẻ em ngày nay phải đối mặt với những nguy cơ xâm hại phức tạp và tinh vi hơn trên không gian mạng, từ bạo lực trực tuyến, lạm dụng tình dục đến việc bị thu thập, khai thác dữ liệu cá nhân trái phép³, do đó cần thiết phải được bảo vệ bằng cơ chế pháp lí đủ mạnh mẽ và linh hoạt, bắt đầu từ chính các quy định của Hiến pháp. Thực tiễn cũng cho thấy, dù pháp luật đã có nhiều tiến bộ, việc thực thi quyền trẻ em ở nhiều nơi vẫn còn hạn chế, khoảng cách giữa quy định và thực tế còn lớn. Điều này đặt ra yêu cầu phải không ngừng rà soát, đánh giá và hoàn thiện khuôn khổ pháp lí cao nhất để tạo nền tảng vững chắc cho công tác bảo vệ thể hệ tương lai của đất nước một cách hiệu quả hơn.

Bài viết tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình hiến định hoá quyền trẻ em tại Việt Nam qua các thời kì, phân tích những thành tựu và hạn chế của Hiến pháp năm 2013, từ đó đề xuất những định hướng và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện Hiến pháp trong bối cảnh mới. Để đạt được mục tiêu đó, nghiên cứu sử dụng tổng hợp các phương pháp: Phân tích, tổng hợp để làm rõ các khái niệm và nguyên tắc cơ bản; phương pháp lịch sử để hệ thống hoá quá trình phát triển của các quy định hiến pháp; phương pháp luật học so sánh để đối chiếu với các tiêu

chuẩn quốc tế và kinh nghiệm lập hiến của một số quốc gia; đồng thời kết hợp phân tích các quy định pháp luật hiện hành và dữ liệu thực tiễn để đánh giá toàn diện vấn đề, đảm bảo các đề xuất đưa ra có tính khoa học, khách quan và khả thi.

2. Quá trình phát triển quy định về quyền trẻ em trong các bản hiến pháp Việt Nam

Tư duy lập hiến của Việt Nam về quyền trẻ em qua các bản hiến pháp từ năm 1946 đến năm 2013 đã có bước tiến vượt bậc: Từ việc coi trẻ em là đối tượng được Nhà nước bảo hộ đã tiến tới xác định trách nhiệm chung của cả gia đình, xã hội và đỉnh cao là công nhận trẻ em là một chủ thể quyền độc lập, có tiếng nói và quyền tham gia⁴.

Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời trong bối cảnh đất nước vừa giành được độc lập, đặt nền móng cho toàn bộ hệ thống pháp luật về quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng. Mặc dù chưa sử dụng thuật ngữ “quyền trẻ em” theo nghĩa hiện đại nhưng quy định tại các điều 6, 14 và 15 Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện tư tưởng nhân văn và sự tiến bộ sâu sắc của Nhà nước Việt Nam. Nguyên tắc “*mọi công dân đều ngang quyền về mọi phương diện*” tại Điều 6 Hiến pháp năm 1946 khẳng định quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử, bao gồm cả trẻ em. Điều 14 Hiến pháp quy định “*trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng*” đã mang một tầm nhìn toàn diện, bao hàm cả việc nuôi dưỡng thể chất và giáo

³ UNICEF (2021), *Báo cáo thực trạng trẻ em trên thế giới 2021: Về sức khoẻ tâm thần của tôi - Thúc đẩy, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ tâm thần của trẻ em*, <https://www.unicef.org/vietnam/vi/báo-cáo/thực-trạng-trẻ-em-trên-thế-giới-2021>, truy cập 25/10/2025.

⁴ Xem Điều 14 Hiến pháp năm 1946, Điều 24 Hiến pháp năm 1959, Điều 64 và 65 Hiến pháp năm 1980, Điều 59 Hiến pháp năm 1992 và khoản 1 Điều 37 Hiến pháp năm 2013.

dục nhân cách, cho thấy các nhà lập hiến đã sớm nhận thức được tầm quan trọng và trách nhiệm của Nhà nước đối với sự phát triển toàn diện của trẻ em. Cam kết này tiếp tục được khẳng định hơn nữa khi Điều 15 Hiến pháp năm 1946 quy định “*nền sơ học cưỡng bách và không học phí*”, khẳng định quyền học tập là quyền cơ bản của mọi trẻ em, không phân biệt điều kiện kinh tế, dân tộc hay xuất thân đã đưa giáo dục từ một chính sách xã hội trở thành trách nhiệm pháp lí cao nhất của Nhà nước non trẻ. Nhìn chung, tư duy lập hiến thể hiện trong Hiến pháp năm 1946 xem việc bảo vệ trẻ em là một nghĩa vụ đạo đức và biểu hiện của một chính thể dân chủ, đặt nền móng vững chắc cho các giai đoạn phát triển pháp luật sau này.

Kế thừa tinh thần nhân văn đó nhưng trong bối cảnh miền Bắc bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hiến pháp năm 1959 đã thể hiện sự tiến bộ rõ rệt khi lần đầu tiên quy định trực tiếp về bảo vệ người mẹ và trẻ em tại Điều 24: “*Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ*”. So với Hiến pháp năm 1946, quy định này đã mở rộng phạm vi bảo đảm quyền trẻ em từ lĩnh vực giáo dục sang lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, phúc lợi và an sinh, khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc bảo hộ những nhóm yếu thế. Tuy nhiên, cách tiếp cận vẫn còn mang tính phúc lợi, khi Nhà nước là chủ thể duy nhất chịu trách nhiệm, còn trẻ em được nhìn nhận chủ yếu như đối tượng được trợ giúp, chưa phải là chủ thể quyền theo nghĩa đầy đủ.

Đến Hiến pháp năm 1980, được ban hành trong bối cảnh đất nước thống nhất, tư

duy lập hiến về quyền trẻ em đã có những bước chuyển mạnh mẽ. Từ mô hình “nhà nước bảo hộ” đơn nhất, Hiến pháp năm 1980 đã xác lập một cơ chế trách nhiệm đa chủ thể giữa nhà nước, xã hội và gia đình, thể hiện rõ trong Điều 64 và Điều 65. Nếu Điều 65 mở rộng phạm vi bảo đảm khi quy định: “*Nhà nước và xã hội chú trọng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng... làm cho sinh hoạt, học tập và trưởng thành của trẻ em được bảo đảm*” thì Điều 64 lần đầu tiên hiến định hoá vai trò nền tảng của gia đình khi khẳng định: “*Gia đình là tế bào của xã hội... Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con cái... Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con*”. Trên cơ sở đó, Pháp lệnh Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1979 được ban hành, quy định mọi trẻ em đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục không phân biệt đối xử (Điều 3), đồng thời nghiêm cấm các hành vi ngược đãi, hành hạ trẻ em (Điều 10). Sự kết hợp giữa ba trụ cột nhà nước - xã hội - gia đình đã hình thành khuôn khổ pháp lí toàn diện đầu tiên về bảo đảm và bảo vệ quyền trẻ em, chuyển từ cơ chế bảo hộ tập trung sang mô hình phối hợp xã hội hoá. Dù trẻ em chưa được nhìn nhận là chủ thể độc lập của quyền, Hiến pháp năm 1980 vẫn là bước ngoặt quan trọng, đặt nền móng cho việc tiệm cận chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em trong các giai đoạn lập hiến sau này.

Khi Việt Nam phê chuẩn Công ước CRC năm 1990, Hiến pháp năm 1992 được ban hành trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thể hiện rõ sự thay đổi về cách tiếp cận⁵. Hiến

⁵ Lã Văn Bằng (2019), *Thực hiện pháp luật về bảo*

pháp không chỉ khẳng định trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà còn bước đầu ghi nhận quyền học tập là “quyền và nghĩa vụ của công dân” (Điều 59), phản ánh tư duy chuyển từ “phúc lợi” sang “quyền”. Ngoài ra, Hiến pháp năm 1992 phân định rõ trách nhiệm của nhiều chủ thể (các điều 36, 40, 65), mở rộng phạm vi bảo vệ đối với các nhóm yếu thế, trẻ em ở vùng khó khăn, đồng thời đặt nền tảng pháp lí cho việc nội luật hoá CRC. Trên cơ sở đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng được ban hành, tiêu biểu là Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, cùng với Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Lao động năm 1994, Luật Giáo dục năm 1998, Bộ luật Hình sự năm 1999, góp phần cụ thể hoá các nguyên tắc hiến định và cam kết quốc tế.

Hiến pháp năm 2013 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, một sự đột phá trong việc hiến định hoá quyền trẻ em ở Việt Nam. Trong đó, khoản 1 Điều 37 Hiến pháp quy định rất cụ thể: “1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. So với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 đã có những tiến bộ vượt bậc, mang tính đột phá khi:

Thứ nhất, ghi nhận trẻ em là chủ thể của quyền. Lần đầu tiên, Hiến pháp Việt Nam khẳng định rõ ràng trẻ em không chỉ là đối

tượng được bảo vệ mà còn là chủ thể của quyền, có quyền được tham gia vào các vấn đề liên quan đến mình.

Thứ hai, mở rộng phạm vi quyền được bảo vệ ở trẻ em. Hiến pháp năm 2013 không chỉ dừng lại ở các quyền truyền thống như quyền được giáo dục mà còn mở rộng đến các quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức xâm hại, bạo lực, bóc lột...

Thứ ba, quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội. Hiến pháp năm 2013 phân định rõ trách nhiệm của ba chủ thể quan trọng trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Thứ tư, đề cập quyền tham gia của trẻ em. Đây là một điểm mới quan trọng, thể hiện sự tiếp thu tinh thần của CRC.

Thứ năm, quy định về nghiêm cấm các hành vi xâm hại trẻ em. Thể hiện sự bảo vệ trẻ em một cách mạnh mẽ trước các hành vi xâm hại.

Bên cạnh đó, các điều 36, 40 và 58 cũng gián tiếp bảo vệ trẻ em thông qua các quy định về phát triển giáo dục toàn diện, ưu tiên các đối tượng đặc biệt, bảo hộ bà mẹ và trẻ em và chăm sóc sức khoẻ.

Những quy định tiến bộ về quyền trẻ em tại Điều 37 đã tạo ra động lực và định hướng quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ trẻ em ở Việt Nam. Minh chứng rõ ràng nhất là sự ra đời của Luật Trẻ em năm 2016, thay thế cho Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004. Luật Trẻ em năm 2016 đã cụ thể hoá nhiều quy định của Hiến pháp, bổ sung thêm các quyền mới, chi tiết hoá trách nhiệm của các chủ thể và đưa ra các biện

vệ trẻ em ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 85.

pháp bảo vệ cụ thể⁶. Bên cạnh đó, các quy định của Hiến pháp năm 2013 cũng được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống ma tuý, Luật Phòng, chống mua bán người, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Nuôi con nuôi... Ngoài ra, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương cũng đã sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hàng trăm văn bản dưới luật khác để tạo ra khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn về bảo vệ quyền trẻ em theo hệ thống⁷.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Hiến pháp năm 2013 còn tồn tại một số hạn chế, bất cập: Một số quyền quan trọng của trẻ em chưa được quy định cụ thể (như: quyền được bảo vệ trên môi trường mạng; quyền riêng tư trên môi trường số; quyền của trẻ em khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số...). Bên cạnh đó, nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” vốn là nguyên tắc trung tâm của CRC chưa được đưa thành một nguyên tắc chỉ đạo rõ ràng trong Hiến pháp. Ngoài ra, cơ chế bảo đảm thực thi và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em, như cơ quan chuyên trách, quy trình

đánh giá tác động cũng chưa được quy định trong Hiến pháp. Do đó, để hiện thực hoá đầy đủ quyền trẻ em, Hiến pháp năm 2013 cần tiếp tục được hoàn thiện, đặc biệt là trong bối cảnh kĩ nguyên số và các thách thức toàn cầu hiện nay.

3. Thách thức đối với việc bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em trong kĩ nguyên mới và đề xuất hoàn thiện Hiến pháp

3.1. Thách thức đối với việc bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em trong kĩ nguyên mới

Kĩ nguyên mới với đặc điểm nổi bật là sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin, truyền thông, trí tuệ nhân tạo... đã và đang đặt ra những thách thức mới, phức tạp và đa chiều cho việc bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em. Cụ thể:

Thách thức từ không gian mạng: Trẻ em ngày nay được tiếp xúc internet và mạng xã hội từ rất sớm, đối mặt nguy cơ bị bạo lực, xâm hại trực tuyến ngày càng phổ biến⁸. Tại Việt Nam, thống kê năm 2019 cho thấy gần 31% học sinh THCS và THPT từng là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến⁹, gây ra những

⁶ Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có 25 quyền theo CRC (tăng 15 quyền so với Luật năm 2004); quy định 15 nhóm hành vi vi phạm quyền trẻ em bị nghiêm cấm; 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (tăng 4 nhóm so với Luật năm 2004); quy định cụ thể biện pháp bảo vệ trẻ em từ phòng ngừa, hỗ trợ đến can thiệp và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để bảo đảm trẻ em được an toàn, được hỗ trợ và can thiệp kịp thời khi có nguy cơ hoặc đang bị xâm hại.

⁷ Lã Văn Bằng (2019), tldd, tr. 88.

⁸ Theo một cuộc thăm dò mới do UNICEF và Đại diện đặc biệt của Tổng thư kí Liên hợp quốc (SRSG) về Bạo lực đối với trẻ em công bố ngày 04/9/2019 cho biết: Một trong ba thanh thiếu niên ở 30 quốc gia cho biết họ từng là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến, trong đó một trong năm người cho biết đã từng nghỉ học do bị bắt nạt trên mạng và bạo lực, gần ba phần tư thanh thiếu niên cũng cho biết các mạng xã hội, bao gồm Facebook, Instagram, Snapchat và Twitter, là nơi phổ biến nhất xảy ra tình trạng bắt nạt trực tuyến. Xem: Unicef (2019), *Unicef poll: More than a third of young people in 30 countries report being a victim of online bullying*, <https://www.unicef.org/press-releases/unicef-poll-more-third-young-people-30-countries-report-being-victim-online-bullying>, truy cập 19/3/2025.

⁹ Tại Hội thảo khoa học “Chương trình phòng ngừa

hậu quả nghiêm trọng về tâm lí, thể chất và sự phát triển của trẻ¹⁰. Thực tế này đòi hỏi phải có các quy định pháp luật cụ thể, chế tài nghiêm khắc để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lí các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Bên cạnh đó, vấn đề bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân của trẻ em trên không gian mạng cũng rất đáng lo ngại. Trẻ em tạo ra lượng dữ liệu số khổng lồ khi học tập, vui chơi trực tuyến nhưng các em và cha mẹ chưa nhận thức hết nguy cơ dữ liệu bị thu thập, lạm dụng trái phép¹¹. Đặc biệt,

và can thiệp bắt nạt trực tuyến dựa vào trường học”, nhóm nghiên cứu của Đại học Giáo dục (Đại học Quốc gia Hà Nội) đưa ra kết quả nghiên cứu cho thấy có tới gần 31% tổng số học sinh THCS và THPT ở Việt Nam là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến bởi ít nhất 1 hành vi từ 2 lần trở lên; 26,7% học sinh từng có hành vi bắt nạt người khác trực tuyến từ 2 lần trở lên. Xem: Đặng Hà (2019), *31% tổng số học sinh THCS và THPT ở Việt Nam là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến*, <https://congly.vn/31-tong-so-hoc-sinh-thcs-va-thpt-o-viet-nam-la-nan-nhan-cua-bat-nat-truc-tuyen-102110.htmlz>, truy cập 19/3/2025.

¹⁰ Hậu quả của hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng rất lớn. Ngoài việc gây ra những tổn thương về thể xác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và tâm lí của trẻ em, rối loạn về cảm xúc, lo âu, ám ảnh, có thể dẫn đến bạo lực, tự kỉ, tự tử, hay học tập sa sút, hạn chế giao tiếp và hoà nhập xã hội. Xem: Nam Anh (2024), *Xâm hại trẻ em qua môi trường mạng ngày càng tinh vi, khó lường*, <https://daibieunhandan.vn/xam-hai-tre-em-qua-moi-truong-mang-ngay-cang-tinh-vi-kho-luong-post399584.html>, truy cập 19/3/2025.

¹¹ Tháng 7/2022, dữ liệu của 30 triệu hồ sơ người dùng được cho là thu thập từ các website về giáo dục, bao gồm thông tin giáo viên và học sinh ở Việt Nam bị rao bán với giá chỉ 3.500 USD. Trước đó tháng 5/2022, một diễn đàn chuyên mua bán dữ liệu khác cũng rao bán thông tin CMND/CCCD của gần 10.000 người dân Việt Nam. Xem: Công ti Công nghệ An ninh mạng Quốc gia Việt Nam NCS

sự phổ biến của thiết bị IoT và đồ chơi thông minh càng làm tăng rủi ro xâm phạm đời tư của trẻ em (tự ý ghi âm, ghi hình trẻ mà không được bảo vệ thích đáng)¹².

Tại Việt Nam, mặc dù đã có Luật An ninh mạng năm 2018 và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân song vẫn còn những khoảng trống và thách thức cần giải quyết. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP (Điều 20) và mới đây nhất là Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 (Điều 24) được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2025, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, mặc dù đã quy định về sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và người đại diện hợp pháp của trẻ nhưng vẫn cần được làm rõ và cụ thể hoá hơn nữa về quy trình xác minh độ tuổi, các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong thực tế và trách nhiệm của các bên liên quan... Nếu không sớm hoàn thiện pháp luật và đưa vào thực thi thì trẻ em sẽ tiếp tục chịu tổn thương trên không gian mạng.

Thách thức từ trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ mới: Sự phát triển của AI, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR)... đem lại cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro pháp lí

(2022), *Báo cáo tổng kết tình hình An ninh mạng 2022, dự báo 2023*, <https://ncsgroup.vn/bao-cao-tong-ket-tinh-hinh-an-ninh-mang-2022-du-bao-2023/>, truy cập 19/3/2025.

¹² Các thiết bị IoT này thu thập lượng lớn dữ liệu nhạy cảm về thói quen, hành vi, thậm chí cả hình ảnh và giọng nói của trẻ (như đồ chơi thông minh, camera an ninh). Dữ liệu này có thể bị rò rỉ, lạm dụng hoặc bị tin tặc tấn công, gây hậu quả nghiêm trọng. Xem: Bộ Khoa học và Công nghệ (2022), *Những mối đe dọa phát sinh từ IoT*, <https://mst.gov.vn/nhung-moi-de-doa-phat-sinh-tu-iot-197154834.htm>, truy cập 19/3/2025.

chưa từng có. AI có thể bị lạm dụng để theo dõi, định hướng hành vi hoặc thao túng trẻ em (qua thuật toán gợi ý nội dung, quảng cáo nhắm mục tiêu vào trẻ em). Thuật toán có thể vô tình khuếch đại việc trẻ tiếp xúc nội dung độc hại dẫn đến hình thành định kiến, lệch lạc trong tư duy của trẻ¹³. Công nghệ VR/AR mở ra trải nghiệm mới nhưng cũng làm mờ ranh giới thực - ảo, dẫn đến nguy cơ trẻ bị bạo lực hoặc quấy rối tình dục trong không gian ảo mà pháp luật chưa kịp định danh hành vi phạm tội¹⁴. Trong khi đó, các quy định pháp luật hiện hành gần như chưa điều chỉnh vấn đề bảo vệ trẻ em trong bối cảnh AI, VR, AR. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bổ sung các quy định về trách nhiệm của nhà phát triển, cung cấp dịch vụ AI, đảm bảo các hệ thống công nghệ mới được thiết kế và vận hành vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Nếu không, trẻ em có thể trở thành nạn nhân bị lợi dụng bởi công nghệ thay vì được hưởng lợi từ nó.

Thách thức từ mạng xã hội và hành vi “sharenting”: “Sharenting” là hành vi cha mẹ chia sẻ quá nhiều thông tin, hình ảnh về con

trên mạng, đang phổ biến nhưng tiềm ẩn hệ lụy xâm phạm quyền riêng tư của trẻ. Nhiều phụ huynh vô tình tạo ra “dấu chân số” cho con ngay từ nhỏ mà trẻ không hay biết cũng như không thể kiểm soát. Hệ quả là đến khi trưởng thành, các em có thể đối mặt nguy cơ bị đánh cắp danh tính hoặc hình ảnh nhạy cảm bị kẻ xấu sử dụng¹⁵. Ngân hàng Barclays ước tính rằng đến năm 2030 sẽ có khoảng 7,4 triệu vụ gian lận danh tính mỗi năm có thể liên quan đến thông tin cha mẹ chia sẻ về con cái; Tại Úc, cơ quan eSafety phát hiện khoảng 50% hình ảnh trên các web “đen” được thu thập từ ảnh cha mẹ đăng công khai trên mạng xã hội¹⁶. Ở Việt Nam, sharenting chưa được điều chỉnh cụ thể trong luật. Đây là khoảng trống cần nghiên cứu về việc có nên thừa nhận quyền của trẻ em đối với thông tin cá nhân do cha mẹ cung cấp không? Cha mẹ cần có trách nhiệm như thế nào khi đăng ảnh con trên mạng xã hội? Do đó, việc nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là đối với các bậc cha mẹ về bảo vệ đời tư của trẻ em trên không gian mạng vô cùng quan trọng.

Đặc biệt, một thách thức mang tính thể chế là Việt Nam chưa có cơ chế bảo hiến độc lập, dẫn đến khoảng trống trong việc bảo đảm và bảo vệ các quyền hiến định, trong đó có quyền trẻ em. Thực tiễn cho thấy, cơ chế

¹³ Minh Anh (2024), *Bảo vệ trẻ em trước mặt trái của trí tuệ nhân tạo*, <https://tuyengiao.vn/bao-ve-tre-em-truoc-mat-trai-cua-tri-tue-nhan-tao-155018>, truy cập 22/3/2025.

¹⁴ Thực tế ảo (VR) sẽ trở thành một xu hướng lớn. Điều này có thể thấy qua việc Facebook đã đổi tên công ti thành Meta, chuẩn bị cho tương lai của một vũ trụ ảo. Nếu các vấn đề liên quan đến tấn công tình dục trực tuyến trong thế giới thực tế ảo, liệu đó có được coi là một tội danh hay không? Mặc dù nó có vẻ khá xa vời đối với chúng ta, nhưng đây là điều sẽ xảy ra trong tương lai rất gần. Xem: Bộ Khoa học và Công nghệ (2022), *Những mối đe dọa phát sinh từ IoT*, <https://mst.gov.vn/nhung-moi-de-doa-phat-sinh-tu-iot-197154834.htm>, truy cập 19/3/2025.

¹⁵ Stacey B. Steinberg (2017), “Sharenting: Children’s Privacy in the Age of Social Media”, *Emory Law Journal*, Vol. 66, Iss. 4, tr. 841 - 842, <https://scholarship.law.ufl.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1796&context=facultypub>, truy cập 06/4/2025.

¹⁶ Kaitlin Tiches (2023), “Sharenting” and Child Influencers, <https://digitalwellnesslab.org/research-briefs/sharenting-and-child-influencer>, truy cập 23/3/2025.

bảo hiến hiện hành thuộc về Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đã bộc lộ những bất cập cố hữu. Theo luận giải của tác giả Nguyễn Đăng Dung, Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực pháp lí cao nhất mà chủ thể có nghĩa vụ thi hành và đồng thời có khả năng vi phạm chính là các cơ quan công quyền, đặc biệt là cơ quan lập pháp; do đó, việc giao cho chính Quốc hội tự giám sát tính hợp hiến trong các đạo luật do mình ban hành là một mâu thuẫn nội tại, thiếu tính khách quan và kém hiệu quả¹⁷. Hệ quả là xuất hiện “khoảng trống” trong kiểm soát quyền lực, khiến các quyền hiến định, bao gồm quyền trẻ em, thiếu một cơ chế bảo vệ pháp lí tối cao khi bị xâm phạm bởi chính các văn bản pháp luật.

Cuối cùng là thách thức liên quan đến việc cân bằng giữa các quyền và lợi ích khác nhau trong việc bảo vệ trẻ em. Theo nghiên cứu của Livingstone và Third, các biện pháp bảo vệ quá mức có thể hạn chế quyền tự do biểu đạt, quyền tiếp cận thông tin và quyền được tham gia của trẻ em¹⁸. Các biện pháp bảo vệ trẻ em, chẳng hạn như kiểm soát nội dung trực tuyến, có thể cần thiết để bảo vệ trẻ em khỏi những nguy cơ trên mạng nhưng đồng thời cũng có thể hạn chế quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận thông tin và bày tỏ ý

kiến của trẻ em. Do đó, cần phải có các cơ chế rõ ràng để giải quyết những xung đột này, đảm bảo các biện pháp bảo vệ trẻ em không xâm phạm quá mức các quyền tự do cơ bản của trẻ và trẻ em có cơ hội được tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến các biện pháp bảo vệ mình.

Tóm lại, kỉ nguyên mới đang đặt ra những thách thức toàn diện đối với vấn đề bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em, từ công nghệ, môi trường, xã hội đến thể chế. Giải quyết các thách thức này đòi hỏi sự phối hợp liên ngành, hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực quản trị số, tăng cường hợp tác quốc tế và bảo đảm sự tham gia thực chất của trẻ em trong quá trình hoạch định chính sách. Đặc biệt, về phương diện lập hiến, việc thiếu cơ chế bảo hiến độc lập là một “điểm nghẽn” cần được khắc phục, để quyền trẻ em vốn đã được hiến định tại Điều 37 Hiến pháp năm 2013 thực sự trở thành quyền có thể được bảo đảm và bảo vệ trong thực tế đời sống xã hội.

3.2. Đề xuất hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam về bảo vệ quyền trẻ em trong kỉ nguyên mới

Để bảo vệ quyền trẻ em một cách toàn diện và hiệu quả trong bối cảnh kỉ nguyên mới trước những thách thức toàn cầu, việc hoàn thiện các quy định của Hiến pháp về quyền trẻ em là một yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quy định về quyền trẻ em trong Hiến pháp và những thách thức đặt ra đối với việc bảo vệ quyền trẻ em trong kỉ nguyên mới, bài viết đề xuất một số giải pháp như sau:

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền trẻ em

Thứ nhất, cần hiến định hoá nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em”, nâng tầm nó từ

¹⁷ Nguyễn Đăng Dung (2013), “Vi phạm Hiến pháp và các loại hình vi phạm Hiến pháp”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 231.

¹⁸ Livingstone, Sonia and Third, Amanda (2017), “Children and young people’s rights in the digital age: an emerging agenda”, *New Media & Society*, 19 (5), tr. 657 - 670.

một nguyên tắc luật định lên thành một nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Hiến pháp.

Đây là giải pháp trọng tâm, bởi nguyên tắc này không chỉ là một trong những trụ cột của CRC mà còn là chuẩn mực pháp lí tiên bộ đã được hiến định ở nhiều quốc gia trên thế giới. Chẳng hạn, Hiến pháp Nam Phi năm 1996 (khoản 3 Điều 30), tuyên bố: “*Lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được xem là có tầm quan trọng hàng đầu trong mọi vấn đề liên quan đến trẻ em*”¹⁹. Tương tự, Hiến pháp Kenya năm 2010 (khoản 2 Điều 53) quy định: “*Lợi ích tốt nhất của đứa trẻ phải là yếu tố quan trọng hàng đầu trong mọi quyết định liên quan đến trẻ*”²⁰. Hiến pháp Ecuador năm 2008 (Điều 44) cũng ghi nhận mọi quyết sách phải đặt lợi ích trẻ em lên hàng đầu²¹.

Việc Việt Nam đưa nguyên tắc này vào Hiến pháp sẽ tạo ra ba tác động pháp lí sâu sắc. *Một là*, đây là sự cụ thể hoá chủ trương chỉ đạo của Đảng về “lấy trẻ em là trung tâm trong mọi chính sách phát triển” được nêu tại Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc. Khi nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” được hiến định, nó bảo đảm rằng mọi cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp khi ban hành và thực thi chính sách đều phải lấy quyền lợi của trẻ em làm ưu tiên hàng đầu. Đây là bước thể chế hoá mạnh mẽ cam kết chính trị, buộc các cấp chính quyền phải “soi chiếu” lợi ích trẻ em trong mọi quyết định. *Hai là*, nó đóng vai trò là một “nguyên tắc diễn giải” tối cao, định hướng cho toà án và các cơ quan nhà nước phải giải thích và áp dụng pháp luật theo cách có lợi nhất cho trẻ em, đặc biệt trong những trường hợp có sự xung đột giữa các lợi ích khác nhau. *Ba là*, nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” được đưa vào Hiến pháp là sự khẳng định cam kết chính trị và pháp lí mạnh mẽ của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế. Nó tạo ra chuyển biến căn bản về tư duy khi bảo đảm, bảo vệ quyền trẻ em không chỉ là trách nhiệm đạo đức xã hội mà còn là một nghĩa vụ hiến định bắt buộc. Bằng cách sánh ngang các quốc gia tiên bộ đã hiến định hoá quyền trẻ em (như: Nam Phi, Ecuador, Kenya...), Việt Nam thể hiện quyết tâm hội nhập các chuẩn mực toàn cầu về quyền trẻ em.

Thứ hai, cần mở rộng một cách tương xứng phạm vi các quyền của trẻ em được Hiến pháp ghi nhận để phản ánh đúng thực tiễn của kỉ nguyên số.

Song hành với việc xác lập nguyên tắc chỉ đạo tối cao, nội dung cụ thể của các quyền hiến định cũng cần được hiện đại hoá. Hiến pháp năm 2013 dù đã có những tiến bộ hơn so với các bản hiến pháp trước nhưng mới chỉ đề cập khái quát đến các quyền truyền thống của trẻ em như quyền được bảo

¹⁹ Hiến pháp Nam Phi năm 1996, <https://www.gov.za/documents/constitution/constitution-republic-south-africa-act-200-1993-repealed-28-jan-1994#30%20Children>, truy cập 24/3/2025.

²⁰ Khoản 2 Điều 53 Hiến pháp Kenya năm 2010: “*A child's best interests are of paramount importance in every matter concerning the child*”, https://www.constituteproject.org/constitution/Kenya_2010, truy cập 24/3/2025.

²¹ Hiến pháp Ecuador năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), https://www.constituteproject.org/constitution/Ecuador_2021, truy cập 24/3/2025.

vệ, chăm sóc, giáo dục. Điều này chưa đủ trong bối cảnh trẻ em đang tương tác sâu rộng trong một môi trường kỹ thuật số phức tạp, một thực tế đã được Bình luận chung số 25 của Ủy ban Quyền trẻ em của Liên hợp quốc nhấn mạnh²². Việc hiến định hoá các quyền kỹ thuật số không chỉ là sự cập nhật cần thiết mà còn là biện pháp bảo vệ mang tính phòng ngừa, đảm bảo rằng các quyền cơ bản nhất của trẻ em trong môi trường mạng được bảo vệ ở cấp độ cao nhất. Các quyền cần được nghiên cứu bổ sung bao gồm: Quyền được tiếp cận công nghệ số một cách bình đẳng, an toàn và đặc biệt là quyền được bảo vệ trên không gian mạng, bao gồm cả việc bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại mới thông qua công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và bảo vệ an toàn dữ liệu cá nhân.

Để hiện thực hoá các định hướng trên, việc sửa đổi, bổ sung Điều 37 Hiến pháp năm 2013 là yêu cầu tất yếu. Với vai trò là luật gốc, Hiến pháp sẽ quy định những nguyên tắc nền tảng nhất, làm cơ sở để pháp luật chuyên ngành cụ thể hoá. Nội dung đề xuất sửa đổi như sau:

“1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm được tham gia vào các vấn đề về trẻ em.

²² Đoạn 4 Bình luận chung số 25 của Ủy ban Quyền trẻ em của Liên hợp quốc quy định: Quyền của mọi trẻ em phải được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện trong môi trường kỹ thuật số. Những đổi mới trong công nghệ kỹ thuật số tác động sâu rộng và mang tính liên kết đến đời sống cũng như các quyền của trẻ em, ngay cả trong trường hợp trẻ không trực tiếp truy cập internet, <https://www.ohchr.org/en/documents/general-comments-and-recommendations/general-comment-no-25-2021-childrens-rights-relation>, truy cập 25/3/2025.

Mọi quyết định liên quan đến trẻ em phải đặt lợi ích tốt nhất của trẻ lên hàng đầu.

2. Nhà nước bảo đảm trẻ em được tiếp cận công nghệ số một cách bình đẳng, an toàn, không phân biệt đối xử. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột; vi phạm quyền riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và an toàn dữ liệu của trẻ em”.

- Xây dựng cơ chế hiến định bảo đảm thực thi quyền trẻ em

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã thẳng thắn chỉ ra một trong những hạn chế cốt lõi của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay là: “*Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện*”. Nghị quyết cũng đặt ra mục tiêu tổng quát phải “*thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân*”. Những định hướng mang tính chiến lược này đã tạo ra một yêu cầu cấp thiết và một cơ sở chính trị vững chắc cho việc nghiên cứu, thành lập một thiết chế hiến định độc lập, chuyên trách nhằm bảo vệ Hiến pháp - điều kiện tiên quyết là để các quyền được hiến định, trong đó có quyền trẻ em phải được bảo đảm, bảo vệ hiệu quả trên thực tế.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc thiết lập một thiết chế bảo hiến độc lập là một thuộc tính căn bản của các nhà nước pháp quyền hiện đại, nhằm kiểm soát quyền lực công và bảo vệ các quyền cơ bản của con

người. Theo hệ thống hoá của tác giả Vũ Hồng Anh, có thể phân loại thành bốn mô hình cơ bản: 1) Mô hình cơ quan chuyên trách (bảo hiến kiểu châu Âu); 2) Mô hình trao quyền cho cơ quan tư pháp (bảo hiến kiểu Mỹ); 3) Mô hình hỗn hợp Âu - Mỹ; 4) Mô hình bảo hiến phi tập trung (đặc trưng của các nước xã hội chủ nghĩa)²³. Việc lựa chọn mô hình nào cho Việt Nam đòi hỏi sự phân tích thận trọng, bởi ba trong bốn mô hình phổ biến này tỏ ra không phù hợp hoặc bộc lộ những hạn chế lớn khi đối chiếu với bối cảnh Việt Nam ở giai đoạn hiện nay.

Mô hình bảo hiến kiểu Mỹ (phi tập trung trao quyền cho toàn bộ hệ thống toà án) tỏ ra khó khả thi. Như tác giả Võ Trí Hào đã luận giải, thành công của nó gắn liền với truyền thống pháp luật common law và nguyên tắc stare decisis (án lệ phải được tuân thủ). Ngược lại, hệ thống pháp luật Việt Nam thuộc truyền thống dân luật (civil law), nơi án lệ mới chỉ được thừa nhận từ năm 2015 và vẫn chủ yếu mang tính bổ trợ, chưa hình thành một văn hoá tài phán hiến pháp dựa trên án lệ mạnh. Việc trao quyền lực lớn này cho hàng ngàn thẩm phán trên cả nước có thể dẫn đến sự thiếu thống nhất, mâu thuẫn trong việc giải thích Hiến pháp, gây bất ổn cho hệ thống pháp luật²⁴.

²³ Vũ Hồng Anh (2013), “Các mô hình bảo vệ Hiến pháp trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng mô hình bảo vệ Hiến pháp của Việt Nam”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 242 - 253.

²⁴ Võ Trí Hào (2013), “Lựa chọn mô hình tài phán Hiến pháp cho Việt Nam và bình luận về mô hình Hội đồng Hiến pháp trong Dự thảo Hiến pháp 1992

Mô hình Hội đồng Bảo hiến kiểu Pháp như trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam cũng không phải là lựa chọn tối ưu. Bởi như tác giả Vũ Công Giao đã nhận định, chức năng chủ yếu của mô hình này mang tính phòng ngừa (xem trước tính hợp hiến của các dự thảo luật trước khi ban hành), chứ không nhằm xử lý những vi phạm Hiến pháp đã xảy ra, do đó không thể đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền và tình hình thực tiễn ở Việt Nam hiện nay mà đòi hỏi phải có cơ chế xử lý những vi phạm Hiến pháp đã và đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp²⁵.

Đặc biệt, mô hình bảo hiến phi tập trung theo kiểu xã hội chủ nghĩa với cơ chế vận hành thông qua hoạt động giám sát của chính các cơ quan lập pháp, về bản chất chính là mô hình mà Việt Nam đang áp dụng²⁶ và Nghị quyết số 27-NQ/TW đã chỉ ra những hạn chế cố hữu của nó. Việc tiếp tục đi theo mô hình này sẽ không giải quyết được mâu thuẫn “vừa đá bóng vừa thổi còi” và không tạo ra được một cơ chế kiểm soát quyền lực độc lập, khách quan như chủ

sửa đổi năm 2013”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 272 - 275.

²⁵ Vũ Công Giao (2013), “Cơ quan bảo hiến trên thế giới và việc hiến định cơ quan này trong Hiến pháp 1992, sửa đổi năm 2013”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 270.

²⁶ Vũ Hồng Anh (2013), sđd, tr. 244.

trương trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền yêu cầu.

Từ sự không phù hợp của các mô hình trên, mô hình tài phán hiến pháp tập trung theo hướng toà án hiến pháp (kiểu châu Âu) nổi lên như một lựa chọn ưu tiên và phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam. Đây là mô hình đã được chứng minh thành công ở nhiều quốc gia có truyền thống dân luật và đã trở thành xu hướng phổ biến trên thế giới trong các nền dân chủ mới²⁷. Tính độc lập của toà án hiến pháp ở đây không có nghĩa là tách rời hoàn toàn mà là có vị trí, thẩm quyền và cơ chế vận hành riêng đủ để thực hiện chức năng kiểm soát nhưng vẫn nằm trong tổng thể cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước thống nhất. Như tác giả Đào Trí Úc đã phân tích, một thiết chế hiến định độc lập, dù có vị thế riêng, vẫn phải duy trì các mối liên hệ thể chế với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp để đảm bảo hiệu quả kiểm soát quyền lực, chứ không phải hoạt động trong trạng thái biệt lập tuyệt đối²⁸. Từ cơ sở lí luận và kinh nghiệm quốc tế đó, việc hoàn thiện Hiến pháp Việt Nam theo hướng thiết lập một toà án hiến pháp là cần thiết.

Trên cơ sở đó, Hiến pháp cần bổ sung một điều khoản (hoặc một mục riêng) quy định rõ các nội dung: 1) vị trí của toà án hiến pháp với tư cách là cơ quan tài phán

hiến pháp tối cao; 2) nguyên tắc độc lập của toà án hiến pháp trước mọi cơ quan nhà nước khác khi thực hiện thẩm quyền hiến pháp; 3) phạm vi thẩm quyền, trong đó có thẩm quyền phán quyết về tính hợp hiến của văn bản quy phạm pháp luật và giải thích hiến pháp.

4. Kết luận

Quá trình lập hiến của Việt Nam đã chứng kiến sự phát triển không ngừng trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em, từ những quy định mang tính bảo hộ ban đầu đến việc khẳng định trẻ em là chủ thể của quyền trong Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, bối cảnh kỉ nguyên mới và các thách thức toàn cầu đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lí cao nhất này. Những vấn đề như an toàn trên không gian mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tác động của công nghệ mới đòi hỏi các quy định hiến pháp cần được cập nhật và bổ sung.

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bài viết đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 37 Hiến pháp năm 2013 nhằm hiến định hoá nguyên tắc “lợi ích tốt nhất của trẻ em” và mở rộng phạm vi các quyền được bảo vệ, đặc biệt là các quyền liên quan đến môi trường số. Đồng thời, việc nghiên cứu xây dựng một cơ chế bảo hiến hiệu quả như thành lập toà án hiến pháp là cần thiết để đảm bảo việc thực thi quyền trẻ em ở cấp độ hiến định. Việc hoàn thiện Hiến pháp theo các định hướng này sẽ tạo cơ sở pháp lí vững chắc, góp phần bảo vệ trẻ em một cách toàn diện và hiệu quả hơn trong tình hình mới, phù hợp với cam kết quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững của Việt Nam./

²⁷ Vũ Công Giao (2013), sđd, tr. 269 - 270.

²⁸ Đào Trí Úc (2013), “Các thiết chế hiến định độc lập”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 16 - 20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Trí Úc (2013), “Các thiết chế hiến định độc lập”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Kaitlin Tiches (2023), “Sharenting” and Child Influencers, <https://digitalwellnesslab.org/research-briefs/sharenting-and-child-influencer>
3. Lã Văn Bằng (2019), *Thực hiện pháp luật về bảo vệ trẻ em ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Livingstone, Sonia and Third, Amanda (2017), “Children and young people's rights in the digital age: an emerging agenda”, *New Media & Society*, Volume 19, Issue 5.
5. Minh Anh (2024), *Bảo vệ trẻ em trước mặt trái của trí tuệ nhân tạo*, [https://tuyen giao.vn/bao-ve-tre-em-truoc-mat-trai-cua-tri-tue-nhan-cao-155018](https://tuyen giao.vn/bao-ve-tre-em-truoc-mat-trai-cua-tri-tue-nhan-cao)
6. Nguyễn Đăng Dung (2013), “Vi phạm Hiến pháp và các loại hình vi phạm Hiến pháp”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Phạm Hồng Thái & Nguyễn Thị Thu Hương (2012), “Bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong pháp luật hành chính Việt Nam (Một số vấn đề có tính phương pháp luận, định hướng nghiên cứu)”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, số 28(1).
9. Stacey B. Steinberg (2017), “Sharenting: Children's Privacy in the Age of Social Media”, *Emory Law Journal*, Vol. 66, Iss. 4, <https://scholarship.law.ufl.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1796&context=facultypub>
10. Võ Trí Hào (2013), “Lựa chọn mô hình tài phán Hiến pháp cho Việt Nam và bình luận về mô hình Hội đồng Hiến pháp trong Dự thảo Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2013”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Vũ Công Giao (2013), “Cơ quan bảo hiến trên thế giới và việc hiến định cơ quan này trong Hiến pháp 1992 sửa đổi năm 2013”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Vũ Hồng Anh (2013), “Các mô hình bảo vệ hiến pháp trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng mô hình bảo vệ hiến pháp của Việt Nam”, *Các thiết chế hiến định độc lập: Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam*, Đào Trí Úc, Nguyễn Thị Mơ, Nguyễn Văn Thuận, Vũ Công Giao (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.